**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**---------------------------**

**PHẠM LÊ DẠ HƯƠNG**

**NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN**

**ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 1977 - 2016**

**Chuyên ngành: Đông Nam Á học**

**Mã số: 62 31 06 10**

**DỰ THẢO TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG NAM Á HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

**Công trình được hoàn thành tại:**

Khoa Đông phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:1. PGS.TS. Hoàng Khắc Nam

 2. TS. Phạm Thị Thu Giang

Giới thiệu 1:................................................................................................

Giới thiệu 2:................................................................................................

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại:........................................................................................................

vào hồi giờ ngày tháng năm

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Lê Dạ Hương, “Ngoại giao văn hóa Nhật Bản - Tiếp cận từ góc độ lịch sử”, *Kỷ yếu Hội thảo nghiên cứu khoa học dành cho các cán bộ trẻ, NCS và học viên cao học trường ĐHKHXH&NV* (2014)

2. Pham Quang Minh - Pham Le Da Huong, “Vietnam-Japan Relations in the New Context of Regionaland World Politics”, *Kyoto Sangyo University* (2014)

3. Phạm Lê Dạ Hương, “Sự hình thành chính sáchgiao lưu văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á: Từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai đến sự ra đời của chủ nghĩa Fukuda 1977”, *Kỷ yếu Hội thảo nghiên cứu khoa học dành cho các cán bộ trẻ, NCS và học viên cao học trường ĐHKHXH&NV* (2016)

**MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Ngày nay, ngoại giao văn hoá nổi lên như một công cụ giúp những quốc gia thiếu hụt sức mạnh cứng tạo dựng sức ảnh hưởng trên trường quốc tế, trong đó có Nhật Bản. Trong quá trình Nhật Bản thực hiện chính sách này, khu vực Đông Nam Á chính là đối tượng giúp Nhật Bản thông qua văn hoá hình thành vị thế chính trị cũng như đem lại lợi ích kinh tế cho đất nước này. Tìm hiểu quá trình Nhật Bản thay đổi và thực hiện ngoại giao văn hóa theo sự biến động của thế giới và khu vực Đông Nam Á để đạt được những mục tiêu nâng cao vị thế kinh tế, chính trị của mình sẽ giúp cho Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam hiểu được vai trò của mình đối với đất nước này và từ đó giúp hoạch định chính sách ngoại giao với Nhật Bản cho phù hợp và sẽ góp phần lý giải những nỗ lực của Nhật Bản trở thành “quốc gia văn hóa”, “đóng góp cho thế giới” thông qua văn hóa. Ngoài ra, các kết quả của luận án sẽ đóng góp vào việc nghiên cứu nguyên nhân và sự thay đổi trong chính sách văn hóa đối với Đông Nam Á của Nhật Bản.

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích: làm rõ quá trình thực hiện chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á từ năm 1977 đến 2016, và sự tiếp nhận của người dân Đông Nam Á đối với ngoại giao văn hóa Nhật Bản, rút ra những đặc trưng cơ bản, tác động, ảnh hưởng cũng như triển vọng của chính sách này tại khu vực.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

* làm rõ khái niệm, mục đích cũng như các nội dung của ngoại giao văn hóa của Nhật Bản cũng như các cơ sở hình thành chính sách này
* trình bày một cách có hệ thống quá trình thực hiện ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á từ năm 1977 đến 2016 qua các giai đoạn lịch sử, từ đó rút ra các đặc điểm và kết quả của những hoạt động này
* đánh giá tác động thực tế của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đến khu vực Đông Nam Á cũng như phản ứng của các quốc gia khu vực đối với hình ảnh của Nhật Bản thông qua điều tra dư luận xã hội, điều tra bảng hỏi cũng như nội dung các bài xã luận có liên quan tới Nhật Bản trên báo chí Đông Nam Á

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng: chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á.

Phạm vi nghiên cứu:

* Thời gian: giai đoạn 1977 - 2016
* Chủ thể thực hiện: Bộ Ngoại giao Nhật Bản và Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản
* Không gian: các quốc gia Đông Nam Á

**4. Phương pháp nghiên cứu**

- Sử dụng phương cách tiếp cận khu vực học là phương pháp nghiên cứu chính;

- Sử dụng phương pháp tiếp cận đa ngành và liên ngành;

- Phương pháp lịch sử: lịch đại, đồng đại, phân kỳ

- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh

- Phương pháp nghiên cứu chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế

- Phương pháp nghiên cứu trường hợp

**5. Nguồn tài liệu**

1. Nguồn tài liệu gốc bằng tiếng Nhật bao gồm các văn bản, tài liệu, tuyên bố, hiệp định chính thức của Chính phủ, Bộ Ngoại giao, các quan chức cao cấp của Nhật Bản liên quan đến chính sách ngoại giao và ngoại giao văn hóa của Nhật Bản.

2. Các chuyên khảo, bài viết, công trình nghiên cứu của các học giả Nhật Bản, nước ngoài và Việt Nam.

3. Các nguồn tài liệu khai thác trên Internet và các phương tiện thông tin đại chúng của Nhật Bản và Việt Nam.

4. Các thông tin thu nhận được qua bảng hỏi.

**6. Đóng góp của luận án**

- là công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu đề tài ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1977 - 2016, đóng góp thêm một góc nhìn mới về Nhật Bản trong việc sử dụng văn hóa để thực hiện mục tiêu chính trị, kinh tế của mình;

- là một công trình nghiên cứu có hệ thống và chuyên sâu về vấn đề này ở trong nước, đóng góp quan trọng về học thuật đối với việc nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á và Nhật Bản, và Nhật Bản ở khía cạnh ngoại giao để thấy được vai trò của Đông Nam Á trong đó có Việt Nam đối với Nhật Bản, giúp ích cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam cũng như khu vực đối với Nhật Bản;

- là tài liệu tham khảo hữu ích cho những người nghiên cứu, giảng dạy, học tập và quan tâm đến vấn đề này ở Việt Nam;

- góp phần vào việc thúc đẩy hơn nữa sự hiểu biết của Việt Nam về lịch sử của khu vực Đông Nam Á cũng như về Nhật Bản, từ đó góp phần vào việc xây dựng quan hệ hữu nghị bền chặt hơn nữa giữa các bên.

**7. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được chia làm 4 chương:

Chương 1 - Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2 - Cơ sở lý luận và thực tiễn của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á

Chương 3 - Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Đông Nam Á giai đoạn 1977 - 2016

Chương 4 - Ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Đông Nam Á giai đoạn 2001 - 2016

**CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

**1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài**

**1.1.1. Các công trình nghiên cứu về quan hệ Nhật Bản - Đông Nam Á**

Quan hệ giữa Nhật Bản và Đông Nam Á là đề tài được nhiều học giả trong lẫn ngoài nước quan tâm. Có nhiều nghiên cứu nổi bật của Vũ Văn Hà, Nguyễn Hoàng Giáp, Nguyễn Thu Mỹ, Sueo Sudo, Chaiwat Khamchoo, Reinhard Drifte, Wolf Mendl, Sumio Hatano … đã đề cập tới các nhân tố mới từ bối cảnh quốc tế và khu vực có tác động đến ngoại giao Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á hay mục tiêu và nội dung cơ bản của chính sách, sự triển khai chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong quan hệ với các nước Đông Nam Á cũng như những kết quả đạt được song tập trung nhiều hơn vào khía cạnh an ninh - chính trị và kinh tế của chính sách nhưng quan hệ giao lưu văn hóa cũng được đề cập đến như một lĩnh vực hợp tác đang có xu hướng tăng lên giữa Nhật Bản và Đông Nam Á và tập trung chính vào giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh.

**1.1.2. Các công trình nghiên cứu về ngoại giao văn hóa và ngoại giao văn hóa Nhật Bản**

Tại Việt Nam, rằng các nghiên cứu tổng quan về ngoại giao văn hóa còn chưa nhiều do đây là mảng nghiên cứu còn khá mới, chỉ có một số công trình nổi bật như *Ngoại giao văn hóa - Vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế* (2008), *Ngoại giao văn hóa - Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và ứng dụng* (2012) do Phạm Thái Việt chủ biên, *Đối ngoại công chúng - Mô hình hoạt động của một số nước lớn trên thế giới và đề xuất đối với Việt Nam* (2016) do Phạm Minh Sơn chủ biên. Những công trình này đã góp phần giải quyết những vấn đề cơ bản về ngoại giao văn hóa như khái niệm về văn hóa, ngoại giao, ngoại giao văn hóa, cơ sở thực tiễn cũng như lý luận của ngoại giao văn hóa, vai trò của ngoại giao văn hóa đối với Việt Nam… và có nhắc tới trường hợp Nhật Bản nhưng chỉ bắt đầu từ khoảng những năm 2000.

Các công trình nghiên cứu tại nước ngoài có nhiều công trình nổi bật của Nicholas J. Cull, Geoffrey Cowan, Amelia Arsenault, Yasushi Watanabe, Masafumi Kaneko, Kenichiro Hirano, Kazuo Ogura… tuy nhiên quan tâm tới ngoại giao công chúng hơn là ngoại giao văn hóa với hàm ý ngoại giao văn hóa chỉ là một phần của ngoại giao công chúng. Các học giả Nhật Bản tóm lược và giới thiệu về lịch sử, sự phát triển cũng như cách phân loại ngoại giao công chúng song hàm lượng nghiên cứu trực tiếp về ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với các nước Đông Nam Á khá ít.

**1.1.3. Các công trình nghiên cứu về ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á**

Các công trình nghiên cứu về ngoại giao văn hóa Nhật Bản với các nước Đông Nam Á tại Việt Nam còn ít, tuy nhiên cũng cung cấp được những thông tin về hoạt động giao lưu, viện trợ văn hóa phong phú của Nhật Bản dành cho Việt Nam hoặc 5 nước ASEAN ban đầu. Tuy nhiên chưa có một công trình nào nghiên cứu về ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với cả khu vực Đông Nam Á. Các nghiên cứu về chủ đề này tại nước ngoài chỉ được nghiên cứu tập trung nhất vào giai đoạn thập niên 1970 thì các nghiên cứu này tập trung nhiều vào 5 nước ASEAN ban đầu.

**1.2. Những vấn đề tài liệu chưa giải quyết**

- nghiên cứu về ngoại giao văn hóa, đặc biệt là ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á còn ít ỏi;

- chỉ lựa chọn một giai đoạn nhỏ nên chưa thấy được quá trình thay đổi của ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á, đồng thời chưa so sánh được sự khác biệt giữa các thời kỳ;

- chưa tập trung vào chủ thể Bộ Ngoại giao và Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản;

- Các học giả nước ngoài thường chỉ phân tích một phương diện nào đó của ngoại giao văn hóa Nhật Bản. Các học giả Nhật Bản lại thường bàn rộng về chính sách ngoại giao văn hóa nói chung của Nhật Bản hoặc trong một thời gian dài nên mức độ chuyên sâu lại hạn chế. Ngược lại, các học giả Việt Nam chỉ giới thiệu khái quát về chính sách giao lưu văn hóa hơn là ngoại giao văn hóa của Nhật Bản, thiên về tác động của chính sách ngoại giao văn hóa đối với Việt Nam hoặc một vài nước ASEAN nào đó hơn là nội dung chính sách.

chưa có tài liệu nào tổng kết và chỉ ra được sự tiếp nhận ngoại giao văn hóa Nhật Bản từ người dân các nước Đông Nam Á.

**1.3. Vấn đề nghiên cứu của luận án**

- làm rõ những khái niệm và lý thuyết về ngoại giao văn hóa mà chính phủ Nhật Bản - mà ở đây là Bộ Ngoại giao sử dụng, phân tích những yếu tố thực tiễn tác động tới việc Nhật Bản thực hiện ngoại giao văn hóa tới khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1977 - 2016;

- nghiên cứu mục tiêu, nội dung và phương thức triển khai ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á giai đoạn 1977 - 2016; đưa ra những nhận xét về đặc điểm của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á, làm rõ những tương đồng và khác biệt của chính sách này giữa hai giai đoạn lớn 1977 - 2001 và 2001 - 2016;

- nghiên cứu những tác động và cách tiếp nhận của người dân Đông Nam Á đối với ngoại giao văn hóa Nhật Bản, từ đó đánh giá được những ưu điểm - hạn chế cũng như triển vọng của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với khu vực này;

- rút ra những khuyến nghị dành cho Việt Nam nhằm hoạch định chính sách đối với Nhật Bản.

**CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á**

**2.1. Cơ sở lý luận**

**2.1.1. Một số khái niệm liên quan tới ngoại giao văn hóa**

***2.1.1.1. Khái niệm về “ngoại giao” và “văn hóa”***

Từ những giải thích khái niệm về “ngoại giao” và “văn hóa” trong từ điển Oxford, từ điển tiếng Việt 1996, Sanseido và Kojien, có thể thấy có những điểm chung trong các định nghĩa này như ngoại giao là hoạt động giao thiệp, đàm phán với nước ngoài có mục đích giải quyết các vấn đề quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia; còn văn hóa là những hoạt động đời sống do con người tạo ra liên quan đến tinh thần. Từ đó có thể tạm đúc kết “ngoại giao văn hóa” là sự giao thiệp, đàm phán với nước ngoài thông qua những hoạt động tinh thần nhằm giải quyết các vấn đề quốc tế, bảo vệ quyền lợi quốc gia mình.

***2.1.1.2. Khái niệm “ngoại giao văn hóa”***

Thông qua những tuyên bố của chính phủ Nhật Bản - đại diện bởi Bộ Ngoại giao tại Sách Xanh Ngoại giao『外交青書』, có thể đưa ra một hiểu biết chung về ngoại giao văn hóa của Nhật Bản như sau: Ngoại giao văn hóa là giao lưu trên nhiều khía cạnh của văn hóa nhằm xây dựng hình tượng tốt đẹp về Nhật Bản trong mắt các nước, từ đó đem lại lợi ích cho Nhật Bản.

**2.1.2. Một số lý thuyết ảnh hưởng tới ngoại giao văn hóa Nhật Bản**

***2.1.2.1. Ngoại giao công chúng***

Theo Edmun Gullion, ngoại giao công chúng là hoạt động ngoại giao hướng trực tiếp tới người dân nước khác cũng như dư luận quốc tế thông qua công cụ truyền thông, giao lưu văn hóa…, do chính phủ thực hiện hoặc liên kết với người dân. Ngoại giao công chúng bao gồm những hoạt động thông tin, truyền thanh, truyền hình, mạng, các hoạt động giao lưu khoa học, giáo dục, văn hóa… hướng đến công chúng bên ngoài quốc gia. Nó có nhiệm vụ giải thích lập trường, quan điểm của quốc gia bằng cách tạo dựng sự thấu hiểu và đồng cảm từ phía công chúng nước ngoài; nó nhằm xây dựng hình ảnh về đất nước, con người trong mắt của cộng đồng quốc tế. Mục tiêu cuối cùng của nó là chiếm được “cảm tình” hay “lòng dân” để trên cơ sở đó thực hiện các mục tiêu lợi ích quốc gia.

Theo cách phân loại của Nicholas J. Cull, ngoại giao công chúng gồm 5 yếu tố: Lắng nghe, tuyên truyền chính sách, ngoại giao văn hóa, ngoại giao giao lưu và phát sóng quốc tế [Cull 2008, tr. 35], cho thấy ngoại giao văn hóa là một bộ phận của ngoại giao công chúng, tuy nhiên thiếu yếu tố “giao lưu” mà chính phủ Nhật Bản đề cao, thiên về tuyên truyền hơn.

***2.1.2.2. Thuyết “sức mạnh mềm”***

Theo Joseph Nye - Viện trưởng Viện Chính trị Kennedy, Harvard, sức mạnh mềm là năng lực khiến người khác làm những điều mình muốn, bởi vì bản thân những người khác cũng muốn như vậy. Đó là năng lực mang tính lôi cuốn mà không phải ép buộc. Một chủ thể có được sức mạnh mềm bằng cách thuyết phục người khác đi theo mình, hoặc khiến họ coi mình là hình mẫu để noi theo (bắt chước, mong muốn trở nên giống như vậy), hoặc làm cho họ đồng ý hành động dựa trên những quy chuẩn/thể chế mà mình đưa ra…; tất cả những cái đó rốt cuộc dẫn đến một kết cục chung là: khiến những chủ thể khác phải hành động như mình đã trù liệu và mong muốn [Keohan & Nye 1998, tr. 81 - 94].

“Sức mạnh mềm” giúp lý giải việc vì sao các nước, trong đó Nhật Bản đều cố gắng phát triển ngoại giao văn hóa trong bối cảnh hiện nay. Gia tăng sức mạnh mềm chính là mục tiêu lớn của ngoại giao văn hóa, cho thấy văn hóa đang trở thành lĩnh vực quan hệ quốc tế quan trọng, nơi có sự tham gia của nhiều nước, nơi có cả cạnh tranh lẫn hợp tác. Điều này đòi hỏi văn hóa phải trở thành vừa là mục tiêu, vừa là công cụ trong quan hệ quốc tế hiện nay. Từ đó, ngoại giao văn hóa càng phát triển. Trong trường hợp Nhật Bản, vốn là một cường quốc đang lên nhưng yếu về quân sự, tính phổ biến về văn hóa và sự tham gia các cơ cấu quốc tế chỉ ở mức bình thường thì ngoại giao văn hóa lại càng trở thành cách thức quan trọng để gia tăng hai điểm sau và giúp hạn chế phần nào điểm yếu về quân sự. Ngoài ra, thuyết này còn đem lại những cơ sở để xem xét và đánh giá cách thức thúc đẩy ngoại giao văn hóa của các nước, trong đó có Nhật Bản.

**2.2. Cơ sở thực tiễn**

Quá trình thực hiện ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á được chia thành hai giai đoạn chính, từ năm 1977 - 2001 và từ năm 2001 - 2016 vì năm 1977 đánh dấu bước đầu của quan hệ ngoại giao văn hóa giữa Nhật Bản và Đông Nam Á, còn năm 2001 là năm chính phủ Nhật Bản có nhận thức rõ ràng hơn về ngoại giao văn hóa, từ đó có sự cải cách trong tổ chức cũng như nội dung hoạt động nên cơ sở thực tiễn của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á cũng được chia theo hai giai đoạn này.

**2.2.1. Trước năm 1977**

***2.2.1.1. Nhật Bản coi trọng văn hóa***

Ngay sau chiến tranh Thái Bình Dương, Nhật Bản bị quân đồng minh chiếm đóng. Trong bối cảnh chính trị bị hạn chế, kinh tế còn yếu kém, Nhật Bản đã ý thức được rằng giao lưu văn hóa quốc tế là phương pháp khôi phục quan hệ với thế giới bắt đầu từ các nước đồng minh. “Văn hóa” chính là một phương thức để chuyển đổi bản sắc quốc gia của Nhật Bản từ “nước bại trận” hay “quốc gia đi xâm lược” thành một “môn đồ cống hiến cho thế giới”.

Sau đó, khi được khôi phục địa vị quốc gia có chủ quyền sau Hiệp ước San Francisco năm 1951, đối với thế giới nói chung, Nhật Bản cũng như văn hóa Nhật Bản được biết đến rất nhiều trong thập niên 1950 - 1960. Nhật Bản còn thay đổi thể chế văn hóa đối ngoại như thành lập Cục Văn hóa Thông tin thuộc Bộ Ngoại giao đã được thành lập, trong đó có Ban Văn hóa vào năm 1958. Đến năm 1964, ban này đã được nâng cấp lên thành Phòng Sự kiện Văn hóa.

***2.2.1.2. Tình hình quốc tế và Nhật Bản***

*Thứ nhất*, bước sang những năm 60 của thế kỷ XX, kinh tế Nhật Bản đã có bước phát triển nhanh chóng, đuổi kịp và vượt các nước Tây Âu, vươn lên đứng thứ hai (sau Mĩ) trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Đây chính là cơ sở vững chắc nhất để Nhật Bản có thể thực hiện các chính sách vì lợi ích quốc gia.

*Thứ hai*, Nhật Bản thuộc phe TBCN, cùng Mỹ thực hiện chiến tranh lạnh nhằm phong tỏa phe cộng sản. Nhật Bản đã chú trọng dùng viện trợ và hợp tác kinh tế làm phương tiện để thâm nhập vào thị tường các nước trong khu vực Đông Nam Á.

*Thứ ba*, sau năm 1975, khi Mỹ rút giảm sự hiện diện ở Đông Nam Á, Nhật Bản đã có chính sách ngoại giao ở khu vực một cách chủ động hơn như vẫn tiếp tục tăng cường quan hệ với các nước ASEAN nhưng đã tìm cách cải thiện quan hệ với Trung Quốc và các nước Đông Dương. Những hoạt động giao lưu văn hóa với các nước Đông Nam Á thời kỳ này không được xem là hoạt động chủ thể nhằm xây dựng đặc tính của Nhật Bản trong xã hội quốc tế mà nhiều nhất cũng chỉ có vị trí bổ trợ như “chất bôi trơn” cho hoạt động kinh tế.

*Thứ tư*, Chính phủ Nhật Bản bắt đầu coi trọng giao lưu văn hóa như một trụ cột của chính sách đối ngoại trước hết lại bắt nguồn từ sự bất ổn trong quan hệ với Mỹ. Các sự kiện như điều chuyển trong chính sách châu Á của Mỹ như Học thuyết Guam (1969), hay sự kiện tổng thống Richard Nixon sang thăm Trung Quốc (1972) khiến Nhật Bản phải tìm cách nâng cao mối quan hệ với siêu cường này, cụ thể là thành lập Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản nhằm “thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ” [Hirano 2005, tr. 59].

*Thứ năm*, những cuộc vận động chống Nhật tại Đông Nam Á cũng là một nhân tố quan trọng thúc đẩy chính phủ Nhật Bản phải coi trọng việc giao lưu văn hóa. Trong vòng 10 năm từ thập niên 1950 đến 1960, các doanh nghiệp Nhật Bản bành trướng ra thị trường các nước Đông Nam Á tạo nên sự hiện diện quá mức của Nhật Bản tại nơi này. Dư luận chung trong khu vực cho rằng họ lại một lần nữa bị Nhật Bản thống trị nhưng lần này về mặt kinh tế. Kết quả là từ cuối những năm thập niên 1960 đầu thập niên 1970, Nhật Bản không chỉ bị các nước gọi bằng những cái tên mỉa mai như “động vật kinh tế” hay “chuối” mà còn kéo theo những phong trào bài Nhật cũng như chống lại sự lan tràn của hàng hóa Nhật. Cú sốc này đã khiến chính phủ Nhật Bản buộc phải nghiêm túc xem xét lại thái độ và chính sách của mình, và giúp Nhật Bản nhận thấy rằng không thể chỉ theo đuổi lợi ích kinh tế mà không để tâm tới những khía cạnh khác trong quan hệ với khu vực, trong đó có văn hóa vốn là thứ ít nhạy cảm và dễ tạo sự thiện cảm hơn.

**2.2.2. Trước năm 2001**

***2.2.2.1. Bối cảnh quốc tế và Nhật Bản đầu thế kỷ XXI***

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, thế giới không chỉ chứng kiến xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển mà còn đối mặt với những vấn đề mới nảy sinh như chủ nghĩa khủng bố tạo ra những thách thức cho các thiết chế hợp tác quốc tế như Liên Hợp Quốc và một số tổ chức quốc tế khác cũng như cho quan hệ giữa các quốc gia.

Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, thực lực và sức mạnh của Trung Quốc ngày càng gia tăng. Trung Quốc đã vượt lên thành nước đứng thứ hai về kinh tế, soán ngôi Nhật Bản từ năm 2010. Bên cạnh đó, nước này còn theo đuổi tham vọng trở thành siêu cường số 1 thế giới. Trung Quốc đã thể hiện được vai trò của mình trong vấn đề giải quyết khủng hoảng hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên, đưa ra ý tưởng về hình thành Cộng đồng Đông Á (EAC)… cũng như tích cực tham gia vào các thỏa ước về thương mại và an ninh khác nhau, tăng cường hoạt động trong các tổ chức đa phương quan trọng và bắt đầu hành động trong khuôn khổ hệ thống quốc tế, chấp nhận hầu hết các thể chế quốc tế, các quy ước chung để từ đó tìm cách điều chỉnh hệ thống quốc tế có lợi cho lợi ích quốc gia mình trong một chừng mực nhất định.

Cũng trong thời gian này, quan hệ giữa Nhật Bản với các nước láng giềng như Trung Quốc - Hàn Quốc cũng xấu đi do những bất đồng về nhận thức lịch sử và vấn đề lãnh thổ. Không những vậy, Trung Quốc và Hàn Quốc còn có chiến lược quảng bá văn hóa vô cùng mạnh mẽ, tạo được những thành quả nhất định khiến Nhật Bản cũng cần thiết phải có chính sách ngoại giao văn hóa với Đông Nam Á để tạo đồng minh gần gũi và duy trì ảnh hưởng của mình trong khu vực.

***2.2.2.2. Văn hóa Nhật Bản được đánh giá cao tại nước ngoài***

Văn hóa đại chúng Nhật Bản được đánh giá rất cao, đặc biệt có sự thu hút áp đảo tại khu vực châu Á. Hơn nữa, không chỉ dừng lại ở văn hóa đại chúng như phim hoạt hình anime, nhạc pop cũng như văn hóa cao cấp như văn học, trà đạo, nhạc giao hưởng…, Nhật Bản còn nhiều tiềm lực sức mạnh mềm tốt được đánh giá cao như có nhiều bằng sáng chế, tuổi thọ trung bình cao nhất thế giới, lượng host trên web cao, viện trợ quốc tế, phát triển nghiên cứu, hoạt động thương mại… Tuy nhiên, cho đến lúc này Nhật Bản chưa thực sự sử dụng hiệu quả những giá trị văn hóa và những lợi thế trong phổ biến văn hóa để nâng cao sức mạnh mềm cũng như cải thiện hình ảnh để thực hiện các mục tiêu chính trị đối ngoại của mình. Đây cũng chính là nền tảng thôi thúc để Nhật Bản đẩy mạnh ngoại giao văn hóa ở Đông Nam Á, phát huy những giá trị của mình thông qua ngoại giao văn hóa.

**2.3. Chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản nói chung**

**2.3.1. Mục đích và nội dung chính của ngoại giao văn hóa Nhật Bản**

Giai đoạn 1945 - đầu thập niên 1950 là thời điểm bắt đầu nền ngoại giao mới nên tiếp thu văn hóa được coi là trọng tâm.

Từ đầu thập niên 1950 đến đầu thập niên 1960 là thời kỳ bình minh của ngoại giao văn hóa. Chính phủ Nhật Bản bắt đầu kí kết các hiệp định văn hóa với nhiều nước và tổ chức các hoạt động văn hóa qui mô nhỏ.

Giai đoạn đầu 1960 - đầu 1970 là thời kỳ ngoại giao văn hóa được triển khai thực sự nhưng được triển khai với đối tượng chính là Mỹ.

Thời kỳ đầu thập niên 1970 - đầu thập niên 1980, chính phủ Nhật Bản đã nhận thức rằng giao lưu văn hóa quốc tế “là cơ sở của chính sách phát triển đối ngoại đứng trên lập trường quan điểm lâu dài” và thành lập Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản để thực hiện nhiều hoạt động ngoại giao văn hóa hơn nữa.

Từ đầu thập niên 1980 - 1990 là giai đoạn kinh tế chín muồi, những cống hiến cho văn hóa quốc tế cũng được đẩy mạnh.

Từ đầu thập niên 1990 đến nay, do sự phát triển của toàn cầu hóa và kết thúc chiến tranh lạnh, giao lưu văn hóa quốc tế được thực hiện trên nhiều mô hình mới như ngoại giao công chúng (public diplomacy) hay duy trì sự đa dạng của văn hóa… Giao lưu văn hóa quốc tế còn chào đón nhân tài từ nước ngoài tới Nhật Bản làm cho Nhật Bản linh hoạt hơn, không chỉ thúc đẩy kinh tế Nhật Bản phát triển mà về lâu dài còn giúp nâng tầm hình ảnh Nhật Bản tại nước ngoài và gia tăng sự thân cận của nước ngoài với Nhật Bản. Các hoạt động giao lưu trí tuệ trong đó có giao lưu con người, giao lưu nghệ thuật, đối thoại giữa các nền văn minh, hay hợp tác văn hóa với các nước đang phát triển, truyền thông… cũng được mở rộng quy mô.

**2.3.2. Các hình thức ngoại giao văn hóa của Nhật Bản**

Hình thức hoạt động của ngoại giao văn hóa thay đổi không đáng kể qua các thời kỳ, song chủ yếu xoay quanh các hoạt động: giao lưu - giới thiệu văn hóa nghệ thuật Nhật Bản, giao lưu con người, phổ cập tiếng Nhật, giao lưu trí tuệ - thúc đẩy nghiên cứu Nhật Bản và hợp tác với các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho các nước đang phát triển.

**2.3.3. Những chính sách chung về ngoại giao văn hóa Nhật Bản hiện đại**

Về mặt tổ chức, năm 2001 Nhật Bản tiến hành làm rõ, phân biệt vai trò trong hoạt động giao lưu văn hóa của Bộ Ngoại giao và Tổng cục Văn hóa, cụ thể là Tổng cục Văn hóa phụ trách mảng giao lưu văn hóa, còn Bộ Ngoại giao và Quỹ Giao lưu Quốc tế có đặc quyền thực hiện hoạt động giao lưu văn hóa phục vụ mục đích ngoại giao. Đến năm 2004, Bộ Ngoại giao tái cơ cấu tổ chức, sáp nhật 2 bộ phận “Truyền thông đối ngoại” và “Giao lưu văn hóa quốc tế” thành Ban Giao lưu văn hóa truyền thông với tên tiếng Anh là Public Diplomacy Department.

Tháng 12/2004, thủ tướng Junichiro Koizumi thành lập “Ban cố vấn liên quan đến xúc tiến ngoại giao văn hóa” đưa ra 3 mục đích ngoại giao văn hóa cần đạt được trong thế kỷ 21 là “nâng cao hình ảnh và thúc đẩy hiểu biết về đất nước mình”, “nuôi dưỡng niềm tin cậy và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa, nền văn minh khác nhau nhằm hạn chế tranh chấp” và “cống hiến hướng tới xây dựng những giá trị và triết lý chung của toàn nhân loại” và 3 triết lý nền tảng cho ngoại giao văn hóa Nhật Bản là “truyền bá” - “hấp thụ” - “cộng sinh”.

Tháng 9/2006, thủ tướng Shinzo Abe kêu gọi toàn nước Nhật hãy thu hút thế giới bằng sự quyến rũ của mình, đề cao tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong diễn thuyết “Nhật Bản, đất nước tươi đẹp” và đưa ra “Ý tưởng cánh cửa châu Á” (Asia Gateway) khuyến khích ngành công nghiệp văn hóa phẩm contents, hay công bố “5 đề xuất nhằm tăng cường truyền bá Nhật Bản” hỗ trợ cho Asia Gateway.

Năm 2008, Hội thẩm định giao lưu tại nước ngoài lại tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của ngoại giao công chúng, đề xuất vận dụng văn hóa hiện đại và lấy đối tượng là giới trí thức, cụ thể như làm phong phú giáo dục tiếng Nhật với người nước ngoài, văn hóa đại chúng…

**CHƯƠNG 3. NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN**

**ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 1977 - 2016**

**3.1. Giai đoạn 1977 - 2001**

**3.1.1. Học thuyết Fukuda và giai đoạn 1977 - 1986**

***3.1.1.1. Mục tiêu***

Nhằm cải thiện hình tượng Nhật Bản tại Đông Nam Á cũng như nâng cao vai trò chính trị của mình trong khu vực, Thủ tướng Takeo Fukuda (nhiệm kỳ 1976 - 1978) đã công bố Học thuyết Fukuda trong đó có mục tiêu quan trọng nhất là “xây dựng quan hệ tin cậy lẫn nhau từ trái tim đến trái tim với các nước Đông Nam Á trên nhiều lĩnh vực rộng lớn bao gồm không chỉ chính trị, kinh tế mà cả văn hóa, xã hội”.

***3.1.1.2. Nội dung và triển khai***

Về ***Hợp tác văn hóa - giáo dục với các nước đang phát triển***, đối tượng của Nhật Bản gần như chỉ là Đông Nam Á và được cụ thể hóa bằng các hoạt động: Viện trợ văn hóa không hoàn trả, hợp tác với Tổ chức Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á (SEAMEO), hợp tác khôi phục di tích và hỗ trợ cho Trung tâm Văn hóa - Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ASPAC). Năm 1979, thủ tướng Masayoshi Ohira (nhiệm kỳ 1978 - 1980) đề xuất thêm chương trình “Thực hành tiếng Nhật cho các nhà ngoại giao châu Á - Thái Bình Dương” với đối tượng chính là các nước ASEAN được khởi động từ năm 1981 và chế độ học bổng dành cho thanh niên các nước ASEAN được thực hiện từ năm 1980 với mục tiêu mỗi năm cấp 1 triệu USD.

Về nội dung ***Giao lưu/Giới thiệu văn hóa Nhật Bản tại nước ngoài***, có những hoạt động chi tiết như các chương trình trải nghiệm văn hóa; hòa nhạc, nghệ thuật biểu diễn; các chương trình triển lãm; trao tặng sách; chiếu phim…

Quỹ Giao lưu Quốc tế đã mở rộng các hoạt động ***giáo dục tiếng Nhật*** dành cho châu Á với nhận thức rằng sự bành trướng của các doanh nghiệp Nhật Bản kéo theo “nhiệt huyết giáo dục tiếng Nhật tăng cao” tại các nước này với các hoạt động như phái cử các chuyên gia giáo dục tiếng Nhật sang các trường đại học có giảng dạy tiếng Nhật, tặng sách học tiếng Nhật cho các cơ sở đào tạo tiếng Nhật, tổ chức các khóa thực tập dành cho giáo viên dạy tiếng Nhật hay cho các học viên có thành tích tốt thực tế tại Nhật Bản.

Kinh phí hoạt động Quỹ Giao lưu Quốc tế dành cho khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong đó có Đông Nam Á cũng cao hơn hẳn dành cho các khu vực khác. Nhật Bản cũng đề xuất những chính sách hỗ trợ, hợp tác trong giáo dục - kỹ thuật đối với giao lưu giữa các nước để tránh thiên lệch về hoạt động tuyên truyền.

**3.1.2. Giai đoạn 1987 - 1991**

***3.1.2.1. “Kế hoạch hợp tác quốc tế” và mục tiêu “cống hiến cho thế giới”***

Thủ tướng Noboru Takeshita (nhiệm kỳ 1987 - 1989) công bố “Kế hoạch hợp tác quốc tế” - nhận thức chính sách giao lưu văn hóa là một trong 3 trụ cột của ngoại giao Nhật Bản với mục tiêu “mở rộng hoạt động giao lưu văn hóa đối với Đông Nam Á”.

Chính sách Đông Nam Á thay đổi dưới thời thủ tướng Takeshita và trong đó giao lưu văn hóa lại được giao cho vai trò trung tâm là để đối phó với dư luận xã hội về sự bành trướng lớn mạnh nhanh chóng của hiện diện kinh tế Nhật Bản trên thế giới cũng như dư luận trong nước về sự thiên lệch trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản. Hơn nữa, ngoại giao văn hóa còn giúp Nhật Bản thực hiện “vai trò chính trị” làm trung gian hòa giải cho 3 nước Đông Dương và các nước thành viên ASEAN, nâng cao hình ảnh của nước này ở Đông Nam Á với mục tiêu “cống hiến cho thế giới”.

***3.1.2.2. Nội dung và triển khai***

Năm 1989, Nhật Bản thành lập Trung tâm Văn hóa ASEAN thuộc Quỹ Giao lưu Quốc tế và “Hội đồng cố vấn về Giao lưu Văn hóa Quốc tế”. Báo cáo của Hội đồng đề xuất tăng cường tính song phương, tăng cường chức năng của Quỹ Giao lưu Quốc tế cũng như tăng cường các hoạt động giao lưu trí tuệ với “Kế hoạch hành động giao lưu văn hóa quốc tế”, cụ thể là tăng ngân sách cho Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản thêm 12,3% so với năm trước và những chính sách liên quan trực tiếp đến Đông Nam Á được đề xuất như: bảo đảm lưu thông văn hóa song phương từ việc làm phong phú hoạt động của Trung tâm văn hóa ASEAN (trong mục “Tăng cường cơ sở và làm phong phú giao lưu văn hóa nghệ thuật”); đặt “Quỹ tín thác bảo tồn di sản văn hóa của Nhật Bản” tại UNESCO, xây dựng hệ thống phái cử nhân lực, xem xét viện trợ văn hóa không hoàn trả cho các nước đang phát triển; Xúc tiến giao lưu vừa để tâm tới tính đa dạng trong khu vực; nỗ lực giao lưu song phương bên cạnh đào tạo tiếng Nhật, nghiên cứu Nhật Bản, giao lưu học thuật, di sản văn hóa; xúc tiến Kế hoạch giao lưu tổng hợp Nhật - ASEAN, giao lưu ASEAN.

Các hoạt động trong giai đoạn này của chính phủ Nhật Bản dành cho Đông Nam Á tập trung nhiều vào tài trợ cho học thuật, bảo tồn và phát triển văn hóa Đông Nam Á, nổi bật có “Quỹ Giao lưu học thuật Nhật Bản - ASEAN”, “Quỹ Văn hóa thanh niên ASEAN”, dự án “Bảo tồn và khôi phục các môn thể thao truyền thống của các nước đang phát triển”, “Điều tra các tài sản văn hóa phi vật thể tại châu Á”…

Các hoạt động văn hóa thời gian này ngoài giới thiệu văn hóa Nhật Bản với các nước Đông Nam Á còn có mục tiêu giới thiệu ngược lại văn hóa Đông Nam Á tới người dân Nhật Bản, cụ thể là thành lập Trung tâm Văn hóa ASEAN (1990) trực thuộc Quỹ Giao lưu Quốc tế. Nhật Bản cũng chú trọng việc đào tạo tiếng Nhật tại Đông Nam Á khi trong 4 trung tâm tiếng Nhật tại nước ngoài của chính phủ có 2 trung tâm được mở tại Đông Nam Á là Jakarta (Indonesia) và Bangkok (Thái Lan).

**3.1.3. Giai đoạn sau chiến tranh lạnh**

***3.1.3.1. Mục tiêu***

Vẫn với quan điểm lấy lại hình ảnh Nhật Bản bị thiên lệch về kinh tế, Nhật Bản cho rằng cần phải tăng cường cống hiến quốc tế trong lĩnh vực hợp tác văn hóa hơn nữa. Để đạt được điều đó, Nhật Bản cho rằng *cần thực hiện hỗ trợ đối với thúc đẩy văn hóa dân tộc cố hữu của các nước đang phát triển*, hợp tác bảo tồn di sản văn hóa - những tài sản chung của toàn nhân loại, hợp tác nhằm phát triển văn hóa và giáo dục của các nước đang phát triển và đề cao triết lý “cộng sinh”.

Năm 1997, Nhật Bản công bố chính sách Đông Nam Á của thủ tướng Ryutaro Hashimoto (nhiệm kỳ 1996 - 1998) trong đó có mục tiêu “tăng cường hiểu biết sâu rộng giữa người dân đôi bên, thiết lập quan hệ hợp tác đa dạng trên lĩnh vực văn hóa”. Điểm đặc biệt của học thuyết là không hề đề cập tới kinh tế mà chỉ nhắc tới những phương thức để hai bên thấu hiểu lẫn nhau, đồng thời quan trọng nhất là coi ASEAN như đối tác bình đẳng để cùng phát triển cũng như giải quyết các vấn đề chung. Thủ tướng kế nhiệm Keizo Obuchi (nhiệm kỳ 1998 - 2000) cũng đưa ra mục tiêu “tăng cường đối thoại và hợp tác trong thế kỷ 21” vào tháng 12/1998.

***3.1.3.2. Nội dung và triển khai***

“Hội đồng cố vấn về giao lưu văn hóa quốc tế lần 2” được thành lập vào tháng 10/1993, đến tháng 6/1994 đưa ra báo cáo đề xuất thực hiện “Kế hoạch giao lưu hòa bình hữu nghị” thực hiện trong vòng 10 năm, với hai trụ cột là hoạt động hỗ trợ nghiên cứu lịch sử và hoạt động giao lưu với các nước châu Á dựa trên nhận thức chia sẻ nỗi đau chiến tranh với các nước châu Á và tạo dựng nền tảng là sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau. Có thể kể tới một số chương trình nổi bật trong kế hoạch như chương trình mời thanh niên châu Á - Thái Bình Dương sang Nhật tham quan, giao lưu và sống tại nhà thanh niên Nhật Bản (1996 - 2001), hỗ trợ nghiên cứu lịch sử giao lưu Nhật Bản - Philippines, tài trợ cho SEAMEO với mục đích đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa (1995 - 1997); chính sách hỗ trợ cho lưu học sinh tự phí từ các nước ASEAN (1995 - 2004)...

Đến năm 1996, Trung tâm Văn hóa ASEAN được đổi thành “Trung tâm châu Á” với triết lý “cộng sinh” và nhằm “xây dựng lịch sử mới” cùng các nước châu Á. Trung tâm triển khai các hoạt động “thúc đẩy hiểu biết châu Á tại Nhật Bản”, “thúc đẩy giao lưu trí tuệ” hỗ trợ cho tổ chức hội thảo cũng như nghiên cứu điều tra tại khu vực châu Á, “hỗ trợ khuyến khích văn hóa” hướng tới khuyến khích và bảo tồn văn hóa. Các chương trình thuộc lĩnh vực giao lưu nghệ thuật được thực hiện dưới dạng đồng sáng tác giữa hai bên.

Năm 1997, “Học thuyết Hashimoto” được cụ thể hóa thành “Nhiệm vụ văn hóa đa quốc tịch” lấy khu vực ASEAN là đối tượng và hình thức thực hiện là các trí thức của cả Nhật Bản và các nước ASEAN cùng tham gia giải quyết vấn đề giữa đa quốc gia. Nhiệm vụ đã tổ chức được những chương trình nổi bật như hội thảo “Đối thoại tri thức xây dựng tương lai châu Á” (12/1998), “Diễn đàn đối thoại văn hóa Nhật Bản - ASEAN” và workshop liên quan tới tài sản văn hóa phi vật thể vào tháng 3/2001. Năm 1999, thủ tướng Keizo Obuchi đề cao vấn đề con người, giao lưu tri thức và văn hóa; từ đó đề xuất Đề án tăng cường giao lưu và đào tạo nhân tài Đông Á và tổ chức “Đối thoại trí thức xây dựng tương lai châu Á” lần thứ 2 vào tháng 7 tại Singapore, lần thứ 3 vào tháng 6/2000 tại Bangkok.

**3.2. Giai đoạn 2001 - 2016**

**3.2.1. Giai đoạn 2001 - 2006**

***3.2.1.1. Mục tiêu***

Bước vào nhiệm kỳ của thủ tướng Koizumi (2001 - 2006), ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á được triển khai mạnh mẽ hơn rõ rệt. Ông đề nghị thiết lập hợp tác khu vực như là phương tiện để tạo ra “một cộng đồng cùng hành động và cùng phát triển” kế tục chính sách coi trọng các nước ASEAN cũng giống như chủ nghĩa Fukuda trước đây. Năm 2002, Koizumi đề xuất một số sáng kiến cụ thể trong quan hệ ngoại giao văn hóa với Đông Nam Á như: Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, bồi dưỡng nguồn nhân lực, ) Xác định năm 2003 là “Năm giao lưu Nhật Bản - ASEAN”.

 Thủ tướng Koizumi còn xúc tiến xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với ASEAN bằng đề nghị được đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 9 vào tháng 12/2005. Hai bên đưa ra tuyên bố chung với những nội dung liên quan tới ngoại giao văn hóa như cải cách Trung tâm ASEAN - Nhật Bản, thúc đẩy giao lưu và tiếp xúc con người với con người.

***3.2.1.2. Hoạt động và triển khai***

Trong năm giao lưu Nhật Bản - ASEAN 2003, giữa hai bên đều tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi, thể hiện quan hệ phát triển đỉnh cao, tổng kết được hơn 700 sự kiện giới thiệu văn hóa Nhật Bản lớn nhỏ được tổ chức khắp các nước ASEAN, các sáng kiến từ phía Nhật Bản mang tính đại chúng.

Hai bên tổ chức Hội nghị thượng đỉnh kỷ niệm quan hệ Nhật Bản - ASEAN và tại đó, Nhật Bản phát biểu chính sách coi trọng ASEAN, phát triển quan hệ lên tầm đối tác trực tiếp “cùng đồng hành, cùng phát triển”. Hội nghị cũng mang lại 4 thành quả cụ thể cho cả hai phía đó là Tuyên bố Tokyo, Kế hoạch hành động Nhật Bản - ASEAN, “Liên kết kinh tế bao quát” và Hiệp định hữu nghị hợp tác và (TAC). Trong 6 nội dung của Kế hoạch hành động Nhật Bản - ASEAN, mục (4) Thúc đẩy hợp tác giáo dục, giao lưu, văn hóa xã hội được đề xuất với những phương án triển khai hết sức cụ thể như: Phổ cập giáo dục cơ bản; Cung cấp thông tin du học, thực hiện các kỳ thi du học Nhật Bản tại ASEAN; Trong vòng 5 năm phải mời được 10.000 thanh niên bao gồm cả du học sinh từ các nước ASEAN; Cải thiện môi trường tiếp nhận du học sinh từ ASEAN; Giao lưu từ gốc (từ cấp thành phố - làng - xã); Giao lưu trí tuệ thông qua giao lưu giữa các nhà nghiên cứu; Bảo vệ di sản văn hóa vô hình - hữu hình; Phổ cập thông tin bao gồm cả giao lưu giữa các nhà báo và hợp tác trong lĩnh vực truyền thông... và cho mục (5) *làm sâu sắc* hợp tác khu vực Đông Á là 17 chương trình ngắn hạn được thực hiện tới năm 2006.

**3.2.2. Giai đoạn 2006 - 2016**

Giai đoạn này đánh dấu bằng nhận thức mạnh mẽ của giới cầm quyền Nhật Bản về sức mạnh mềm, sức mạnh văn hóa của Nhật Bản. Đặc biệt là sự coi trọng dành cho khu vực Đông Nam Á của Thủ tướng Shinzo Abe qua hai lần nhậm chức của mình (2006 - 2007 và 2013 - hiện tại).

***3.2.2.1. Giai đoạn 2006 - 2013***

***a. Mục tiêu***

Thủ tướng Shinzo Abe (nhiệm kỳ 2006 - 2007) đã đưa ra ý tưởng “Cánh cửa châu Á” mang chiến lược sức mạnh mềm hướng tới châu Á, trong đó có Đông Nam Á. Cụ thể, ý tưởng đưa ra ba mục tiêu: (1) Nỗi lực vì sự tăng trưởng và năng động của châu Á, (2) Thực hiện trách nhiệm phát triển châu Á xây dựng trật tự khu vực, (3) Hướng tới hình tượng “đất nước tươi đẹp” có sức hút, sự tin cậy, được tôn trọng [231; tr. 3] với ba triết lý hành động: (1) Xây dựng một Nhật Bản cởi mở có sức hút, (2) Chung sức xây dựng một châu Á cởi mở, (3) Cộng sinh, tôn trọng lẫn nhau.

Ngoài ra Nhật Bản còn chọn năm 2009 là Năm giao lưu Nhật Bản - Mekong nhằm mục đích can dự tích cực vào việc phát triển của khu vực này, giúp cho các nước ASEAN phát triển phồn vinh hơn, thống nhất hơn, đồng thời mang tầm nhìn xây dựng cộng đồng Đông Á về lâu dài.

***b. Nội dung và triển khai***

Nhật Bản triển khai sức mạnh mềm trong văn hóa và kế thừa ba triết lý “truyền bá - hấp thụ - cộng sinh” vào trong các hoạt động của mình tại Đông Nam Á như thực hiện các chương trình kỉ niệm năm ngoại giao, phái cử các Đại sứ Anime và Đại sứ Dễ thương tới một số nước Đông Nam Á, tổ chức giải thưởng Manga quốc tế, đặt văn phòng của Quỹ Giao lưu Quốc tế tại Hà Nội và Trung tâm Sáng tạo Nhật Bản tại Singapore; “Kế hoạch giao lưu lớn dành cho thanh thiếu niên Đông Á thế kỷ 21” JENESYS. Năm Giao lưu Nhật Bản - Mekong được thực hiện với 411 sự kiện được tổ chức tại cả nhiều tỉnh thành trên toàn Nhật Bản lẫn tại các nước Mekong, trải rộng trên khắp các lĩnh vực từ văn hóa, thể thao cho tới kinh tế, chính trị và được cả nhà nước lẫn các tổ chức cá nhân thực hiện.

Sau sự kiện động đất - sóng thần tại vùng Đông Bắc, Nhật Bản đưa ra hai mục tiêu chính cho ngoại giao văn hóa - truyền thông là “tăng cường khôi phục thương hiệu Nhật Bản” và “truyền bá những nét hấp dẫn đa dạng của Nhật Bản”. Cho đến nay, Quỹ Giao lưu Quốc tế vẫn đã và đang thực hiện rất nhiều sự kiện nhằm quảng bá những giá trị văn hóa của khu vực Đông Bắc Nhật Bản cũng như kết nối tình thân, hiểu biết giữa con người khu vực này với người dân khắp thế giới nói chung và Đông Nam Á nói riêng.

***3.2.2.2. Giai đoạn 2013 - 2016***

***a. Mục tiêu***

Năm 2013, thủ tướng Abe tái nhậm chức công bố 5 nguyên tắc ngoại giao với ASEAN trong đó có hai nguyên tắc quan trọng là “Bảo vệ và vun đắp những nét văn hóa, truyền thống đa dạng của châu Á” và “Thúc đẩy giao lưu, tổ chức giao lưu giữa thế hệ trẻ - những người nắm giữ tương lai một cách linh hoạt hơn”

***b. Nội dung và triển khai***

Năm 2013 được chọn là Năm Hữu nghị Nhật Bản - ASEAN kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Nhật Bản - ASEAN, có khoảng 700 sự kiện lớn nhỏ được tổ chức.

Tháng 12/2013, chính phủ Nhật Bản công bố dự án “WA trong văn hóa (hòa - luân - hoàn) ~ Vì một châu Á hiểu biết lẫn nhau” có mục tiêu tạo dựng và mở rộng những vòng tròn hòa bình và hài hòa khắp châu Á hướng tới tương lai bao gồm 6 chương trình lớn: giao lưu thị dân tập trung vào giới trẻ, xây dựng mạng lưới liên kết các nhà văn hóa - nghệ sỹ ở nhiều lĩnh vực, học bổng song phương, hợp tác sáng tạo văn hóa dưới hình thức đồng sáng tác/nghiên cứu một tác phẩm nghệ thuật, xây dựng một địa chỉ có thể tổ chức giao lưu trong khu vực, phái cử cộng sự tiếng Nhật hỗ trợ việc giảng dạy tiếng Nhật; giao cho Trung tâm châu Á trực thuộc Quỹ Giao lưu quốc tế thực hiện trên phương châm 4C: Communicate (giao tiếp), Connect and Share (liên kết và chia sẻ), Collaborate (cộng tác) và Create (sáng tạo).

**3.3. Nhận xét và đánh giá**

Từ năm 2001 trở đi, nhận thức của các cấp lãnh đạo Nhật Bản rõ rệt hơn nên các hoạt động cũng chủ động, tích cực hơn.

Về đặc điểm ***nội dung***, các hoạt động ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Đông Nam Á thời kỳ trước 2001 tập trung vào các chương trình hỗ trợ giáo dục, nghiên cứu, giao lưu con người… là chủ yếu. Đến giai đoạn sau 2001, việc truyền bá văn hóa đại chúng được thực hiện vô cùng triệt để.

Về ***phạm vi***, giai đoạn 1977 - 2011 có rất nhiều chương trình “dài hơi” kéo dài qua cả một thập kỷ thì sang đến giai đoạn 2001 - 2016, bên cạnh những chương trình dài hạn tiếp nối thành công của giai đoạn trước, giai đoạn này còn có những điểm nhấn dày đặc về những sự kiện giao lưu văn hóa có quy mô lớn.

Về ***triết lý***, trong giai đoạn 1977 - 2001 Nhật Bản có hai chí hướng lớn trong giao lưu văn hóa đó là giao lưu “song phương” trong giai đoạn đầu và đến cuối giai đoạn chuyển sang “cộng sinh” nhằm chia sẻ tính đa dạng trong khu vực. Sang đến giai đoạn 2001 - 2016, lần đầu tiên phía Nhật Bản chính thức đưa ra những triết lý ngoại giao của mình, nhưng nhìn chung vẫn luôn tiếp nối phương châm “cộng sinh”.

***Mục đích*** Nhật Bản thực hiện ngoại giao văn hóa với Đông Nam Á nhằm xoa dịu dư luận về sự bành trướng kinh tế của mình chính. Ngoài ra còn mục đích chính trị ẩn giấu phía sau các hoạt động ngoại giao văn hóa Nhật Bản còn nhằm gia tăng sức ảnh hưởng quốc gia, tạo đà cho việc thay đổi trật tự thế giới, trật tự khu vực. Bước sang giai đoạn từ 2001 về sau, mục đích ngoại giao văn hóa cũng được chính phủ Nhật Bản nhấn mạnh rõ ràng bao gồm nâng cao hình ảnh quốc gia, xây dựng lòng tin và hiểu biết lẫn nhau, cống hiến cho thế giới. Bên cạnh đó, mục đích ẩn sau ngoại giao văn hóa của Nhật Bản cũng gồm ba điều, hay nói cách khác vì ba lợi ích của Nhật Bản: hỗ trợ cho kinh tế, bảo toàn an ninh và tăng cường địa vị chính trị của Nhật Bản.

Về ***hình tượng Nhật Bản muốn xây dựng***, bên cạnh hình tượng “quốc gia hòa bình”, “quốc gia văn hóa” mà Nhật Bản đã và luôn theo đuổi ngay từ sau Chiến tranh thế giới, Nhật Bản còn nỗ lực thể hiện là quốc gia “cống hiến cho thế giới”.

Có thể thấy rõ một số ***ưu điểm*** của ngoại giao văn hóa Nhật Bản như: ngoại giao văn hóa được thực hiện với nội dung hết sức phong phú và đa dạng, chính sách nhằm khuyến khích nền công nghiệp văn hóa của Nhật Bản mang lại hiệu quả tích cực cho phát triển kinh tế và du lịch, giới thiệu văn hóa có tính chất song phương. Tuy nhiên, ngoại giao văn hóa Nhật Bản cũng còn tồn tại những ***hạn chế*** như nguồn ngân sách dành cho chính sách này còn rất ít so với các nước khác, chịu sự cạnh tranh khốc liệt của các quốc gia cùng khu vực

Hiện tại, tình hình kinh tế và chính trị, an ninh thế giới đặt ra sự cần thiết cho quan hệ hợp tác giữa các nước và các khu vực song nhiều nước lớn lại bảo toàn chủ nghĩa bảo hộ, hướng nội. Đây là cơ hội cho Nhật Bản thể hiện vai trò lãnh đạo bằng cách thể hiện những hành động vì mục tiêu chung, lợi ích chung..

**CHƯƠNG 4. TIẾP NHẬN NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA NHẬT BẢN TỪ PHÍA ĐÔNG NAM Á**

**4.1. Suy nghĩ của người dân Đông Nam Á về ngoại giao văn hóa Nhật Bản**

Một trong những mục tiêu quan trọng khi thực hiện ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đó là tạo dựng hình ảnh đẹp trong lòng người dân Đông Nam Á, nên biết được suy nghĩ hay nói cách khác là sự tiếp nhận của Đông Nam Á dành cho Nhật Bản có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Những phương pháp và nguồn tài liệu tác giả sử dụng bao gồm: tổng hợp và phân tích các kết quả điều tra dư luận xã hội Đông Nam Á do Bộ Ngoại giao Nhật Bản; tổng hợp nội dung các bài xã luận trên các báo tiếng Anh chính thống của một số nước Đông Nam Á và điều tra bảng hỏi đối với người dân ba nước Thái Lan, Việt Nam và Myanmar.

**4.1.1. Giai đoạn 1977 - 2001**

Trước tiên, luận án tổng hợp và phân tích các kết quả điều tra dư luận xã hội Đông Nam Á từ điều tra do Bộ Ngoại giao Nhật Bản thực hiện qua các năm 1978, 1983, 1987, 1992, 1997, 2002. Trong các bản điều tra từ năm 1978 - 1987, đối tượng là 5 nước ASEAN ban đầu, đến năm 2002 có thêm Việt Nam. Về cơ bản, có thể tóm lược kết quả trong ba đặc trưng cơ bản: Thứ nhất, không có đất nước nào có nhận thức nổi bật về Nhật Bản; thứ hai, hiểu biết và hứng thú tới kinh tế Nhật Bản rất nổi bật; và thứ ba, có nhiều ý kiến khác nhau đối với vấn đề lịch sử.

Số người biết về văn hóa - nghệ thuật Nhật Bản còn khá ít. Từ đây có thể tạm kết luận rằng những nỗ lực của Nhật Bản trong ngoại giao văn hóa vẫn còn chưa đủ mạnh hoặc chưa phổ biến rộng để người dân các nước Đông Nam Á biết đến. Còn về vấn đề lịch sử, khuynh hướng chung trong thời điểm điều tra là “Giờ không còn để ý nữa”, “Không thể quên” chiếm đa số.

Có thể thấy dễ hiểu khi khu vực này không mấy quan tâm đến chính trị - ngoại giao hay văn hóa của Nhật Bản mấy vì sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đang ở vị thế thấp, không có tiếng nói trên thế giới và cũng e ngại không dám tuyên truyền nhiều về những giá trị văn hóa của mình. Hơn nữa, người dân Đông Nam Á cũng dè chừng Nhật Bản vì những vấn đề lịch sử đã xảy ra trong chiến tranh nên nỗi ám ảnh Nhật Bản một lần nữa sẽ trở lại thành cường quốc quân sự khiến họ không mong chờ ở những đóng góp của Nhật Bản vào việc duy trì hòa bình khu vực. Tuy nhiên, dù chưa tạo được mối quan tâm nhưng điều lớn nhất mà Nhật Bản làm được, trong đó chắc chắn có sự đóng góp to lớn của giao lưu và ngoại giao văn hóa với các nước Đông Nam Á. Đó là trong thời điểm điều tra, người dân các nước này đã hầu như không còn để ý tới vấn đề lịch sử nữa và tỷ lệ người chọn việc không để ý tới ngày một tăng cao, chứng tỏ mối thiện cảm dành cho Nhật Bản cứ dần dần được nâng lên theo thời gian.

Bên cạnh đó, khảo sát các bài xã luận viết về Nhật Bản trên 3 tờ nhật báo tiếng Anh của Singapore là Straits Times (1987 - 2006), của Thái Lan là Bangkok Post (1987 - 2006) và Jakarta Post (1996 - 2006) của Yamamoto Nobuto và Takagi Yusuke [Oishi Yutaka, Yamamoto Nobuto 2008] chỉ ra 4 điểm đặc trưng: 1) Tần suất xuất hiện các bài xã luận về Nhật Bản là không nhiều[[1]](#footnote-1); 2) So với 2 tờ báo còn lại thì Straits Times của Singapore có nhiều bài xã luận về Nhật Bản hơn, nguyên nhân cũng do đặc trưng của tờ báo này thường viết về những vấn đề quốc tế hoặc tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương hơn là tình hình chính trị nội trong Singapore; 3) Nếu chỉ nhìn từ Điều tra dư luận của Bộ Ngoại giao và số lượng bài viết thì thấy Nhật Bản không được biết đến nhiều, nhưng khi phân tích nội dung các bài viết này thì thấy họ đã bình luận dựa trên rất nhiều thông tin chi tiết về Nhật Bản; và 4) Không nhận thấy thời điểm tăng hay giảm của lượng bài viết về Nhật Bản trên cả 3 tờ báo.

Về nội dung các bài xã luận, có thể chia làm 3 lĩnh vực: Thứ nhất, lĩnh vực được nhắc tới nhiều nhất là chính trị, kinh tế chính trị và kinh tế (chiếm 37% tổng số). Hầu hết các bài xã luận về chính trị hay kinh tế chính trị đều nghị luận về tính cần thiết trong cải cách cơ cấu kinh tế cũng như thể chế chính trị cần thiết cho hiện thực cải cách, cho thấy rằng các nước quan tâm cao tới kinh tế Nhật Bản, trùng hợp với kết quả điều tra dư luận xã hội của Bộ Ngoại giao. Thứ hai, cũng có khá nhiều nghị luận về quan hệ quốc tế của Nhật Bản (33,8%). Việc bàn luận về Nhật Bản trong quan hệ quốc tế phản ánh việc định vị Nhật Bản là nước lớn có ảnh hưởng đến cơ cấu trật tự tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Thứ ba, những vấn đề như lịch sử không được bàn luận nhiệt tình (13,2%).

Về nội dung chi tiết của những bài xã luận liên quan tới Nhật Bản, các tác giả chỉ ra hai đặc điểm về hình tượng nước Nhật tại Đông Nam Á. Thứ nhất, các nước Đông Nam Á có mối quan tâm lớn tới nền kinh tế Nhật Bản. Thứ hai, đối với việc Nhật Bản muốn tham gia vào việc xây dựng trật tự khu vực điển hình với thay đổi trung quan hệ Nhật - Trung, các nước Đông Nam Á nhận thức rằng Nhật Bản là nước lớn có sức ảnh hưởng tới trật tự chính trị quốc tế. Tuy nhiên, đối với những đóng góp mà họ mong muốn Nhật Bản cống hiến, các nước này lại mưu cầu hợp tác kinh tế - kỹ thuật nhiều hơn là mở rộng vai trò trong những lĩnh vực như bảo toàn an ninh [Yamamoto, Takagi 2008, tr. 179 - 180].

**4.1.2. Giai đoạn 2001 - 2016**

Từ năm 2000 đến 2016, Bộ ngoại giao Nhật Bản tổ chức điều tra dư luận các nước ASEAN đối với Nhật Bản 4 lần vào các năm 2002, 2007, 2013 và 2015. Từ năm 2013 có thêm Myanmar và 2015 có thêm Brunei, Campuchia, Lào nâng tổng số nước được điều tra lên 10 nước.

Nhật Bản được đánh giá là “đáng tin cậy” với 92.8% trong bản điều tra năm 2007 và đứng thứ nhất năm 2013 với 33% và năm 2015 với 22% vượt trên cả Mỹ. Lý do người dân Đông Nam Á tin cậy Nhật Bản được lựa chọn là vì quan hệ kinh tế thân thiết, song lý do “Quan hệ hữu nghị, sở hữu những giá trị chung” xếp ngang với “Đóng góp tới phát triển và duy trì ổn định nền kinh tế thế giới” cũng được lựa chọn nhiều. Người dân Đông Nam Á cũng cho rằng quan hệ giữa nước mình và Nhật Bản rất tốt.

Tất cả các lĩnh vực mà người dân ASEAN biết đến cũng như nhìn nhận về Nhật Bản đã thay đổi, những hình ảnh tích cực đều chiếm ít nhất 20%, cao nhất lên đến gần 90%. “Thiên nhiên tươi đẹp” - “văn hóa truyền thống” và “văn hóa hiện đại” của Nhật Bản cũng chiếm vị trí rất cao, chỉ đứng sau “khoa học kỹ thuật” và “kinh tế”, thậm chí năm 2013 còn đứng ngang hàng. Những hình tượng tiêu cực như “chỉ quan tâm tới phát triển kinh tế và lợi ích quốc gia”, “khó hiểu”, “hiếu chiến”… đều được lựa chọn rất ít, giảm dần và thậm chí đến bản điều tra năm 2015 không còn ai lựa chọn những câu trả lời này nữa.

Đối với những lĩnh vực mà người dân ASEAN mong muốn được hiểu thêm về Nhật Bản, có thể nhận thấy sự quan tâm tăng vọt dành cho các yếu tố liên quan tới văn hóa Nhật Bản nói chung. Đối với những người học tiếng Nhật, lý do họ chọn học thiên nhiều về muốn được trải nghiệm Nhật Bản và giao lưu hơn là vì lý do học hành, công việc, chứng tỏ văn hóa Nhật Bản đã thu hút được sự quan tâm của ASEAN nhiều hơn công việc và thấy được sự “mở” của Nhật Bản dành cho các nước ASEAN ở những điểm: đi du lịch, đi du học và làm việc tại Nhật Bản.

Đối với câu hỏi về lĩnh vực kỳ vọng Nhật Bản sẽ đóng góp nhiều hơn trong quan hệ với ASEAN, bên cạnh những mong muốn về hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật hay đầu tư thương mại… giao lưu văn hóa cũng được kỳ vọng nhiều và ngày một tăng cao.

Ngoài ra bản điều tra mới nhất cũng thăm dò về suy nghĩ của các nước Đông Nam Á trước những đóng góp của Nhật Bản đối với thế giới. Riêng về mặt an ninh, các nước Đông Nam Á có nhận định Nhật Bản là một quốc gia hòa bình (81%) và chính sách bảo toàn an ninh của Nhật Bản có tầm qua trọng trong việc ổn định hòa bình cũng như trật tự thế giới (82%). Hơn hết, các nước này còn coi Nhật Bản là đối tác quan trọng nhất đối với ASEAN (52%), hơn cả Trung Quốc (50%) và Mỹ (46%) ngay cả trong hiện tại lẫn tương lai.

Tham khảo thêm các bài xã luận trên báo điện tử của các tờ báo tiếng Anh tại Đông Nam Á là The Straits Times của Singapore (2015 - 2017), The Jakarta Post (2017), Bangkok Post (2010 - 2017) và Vietnam News (2005 - 2017), có thể thấy rằng Nhật Bản xuất hiện với tần suất lớn trong đời sống xã hội của các nước Đông Nam Á, khi trung bình mỗi năm có hàng nghìn bài báo và tin tức nhắc đến Nhật Bản tại các nước này.

Với từ khóa “văn hóa Nhật Bản”, có 1340 bài viết có liên quan trên Bangkok Post, 100 bài trên The Jakarta Post, 977 đối với The Straits Times và 119 đối với Vietnam News. Trừ Vietnam News có số lượng bài liên quan tới văn hóa Nhật Bản khá ít, trung bình mỗi năm ba tờ báo còn lại có khoảng hơn 100 bài viết có nội dung liên quan tới văn hóa Nhật Bản.

Các tờ báo này đều khẳng định nét hấp dẫn của văn hóa đại chúng Nhật Bản, đặc biệt là truyện tranh manga, phim hoạt hình anime hay trò chơi điện tử đối với người dân Đông Nam Á và cho rằng các sự kiện về văn hóa Nhật Bản là “cơ hội tốt” để người dân Đông Nam Á nói chung và người hâm mộ Nhật Bản nói riêng tiếp cận nền văn hóa này.

Báo chí các nước đều khẳng định quan hệ tốt đẹp với Nhật Bản, đặc biệt trong những năm gần đây. Hơn nữa không chỉ trên lĩnh vực chính trị hay kinh tế, quan hệ văn hóa giữa đôi bên cũng được nhấn mạnh.

Cuối cùng, tác giả luận án còn tiến hành điều tra bảng hỏi dành cho 36 người dân từ ba nước Thái Lan, Việt Nam và Myanmar, trung bình mỗi nước có 12 người trả lời bảng hỏi. Đối tượng của điều tra là thanh niên từ 20 - 35 tuổi, đặc biệt là những người không học tiếng Nhật, không làm việc tại cơ quan/doanh nghiệp Nhật Bản để thấy được sự khách quan.

Đối với câu hỏi “Bạn có thích văn hóa Nhật Bản không?”, 91.7% câu trả lời là “Có”. Cụ thể hơn, 31.4% yêu thích văn hóa hiện đại, 65.7% yêu thích văn hóa truyền thống. Theo đánh giá của người dân ba nước Đông Nam Á này, văn hóa Nhật Bản hiện đại vẫn được ưa chuộng nhất tại nước mình, đặc biệt là manga và anime.

Mặc dù các cuộc điều tra cho thấy văn hóa Nhật Bản được ưa chuộng tại Đông Nam Á, song không có nhiều người biết đến Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản. Chỉ 58.3% những người trả lời bảng hỏi có biết về tổ chức này. Số lượng người đã từng tham gia các chương trình của Quỹ còn ít hơn, chỉ chiếm 27.8%.

**4.2. Đánh giá và nhận xét**

***Bảng 4-2. So sánh sự tiếp nhận của Đông Nam Á về Nhật Bản qua hai giai đoạn***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **1977 - 2001** | **2001 - 2016** |
| *Biết đến Nhật Bản* | Không biết nhiều về Nhật Bản trừ Indonesia | Nhật Bản trở thành quốc gia đáng tin cậy nhất |
| *Lĩnh vực biết đến Nhật Bản nhiều nhất* | Sản phẩm hàng Nhật, kinh tế | Kinh tế, ẩm thực, văn hóa, khoa học kỹ thuật… |
| *Lĩnh vực muốn tìm hiểu thêm về Nhật Bản* | Sản phẩm hàng Nhật, khoa học kĩ thuật | Ẩm thực, đời sống, suy nghĩ, kinh tế… |
| *Vấn đề lịch sử* | Không để ý đến nhiều |  |
| *Lĩnh vực muốn Nhật Bản cống hiến* | Khoa học kĩ thuật | Hợp tác, giáo dục, giao lưu văn hóa - giao lưu thanh niên… |

Từ đó có thể khẳng định được ngoại giao văn hóa Nhật Bản đã đạt được những thành công nhất định. Trước hết, đó là lòng tin của Đông Nam Á dành cho Nhật Bản. Tiếp đó, người dân Đông Nam Á cũng yêu thích và hiểu biết hơn về văn hóa cũng như đời sống của Nhật Bản, không chỉ dừng lại ở văn hóa hiện đại hay văn hóa truyền thống nói chung mà còn có hiểu biết cụ thể trong từng lĩnh vực văn hóa, lối sống, suy nghĩ và tính cách của người Nhật cũng được các nước này quan tâm và ngưỡng mộ. Như vậy, Nhật Bản cũng đã đạt được mục đích nâng cao hình ảnh quốc gia và nâng cao hiểu biết về Nhật Bản tại Đông Nam Á.

Và hơn hết, Nhật Bản đã phần nào đạt được mục đích có vị trí quan trọng trong xã hội Đông Nam Á khi các nước này coi Nhật Bản là đối tác quan trọng nhất đối với khu vực, vượt lên so với Trung Quốc và Mỹ.

Tuy nhiên, thông qua những nghiên cứu và điều tra nêu trên, có thể thấy được một số hạn chế trong văn hóa Nhật Bản cũng như chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản như chưa cân bằng quảng bá văn hóa hiện đại và văn hóa truyền thống trong khi nhu cầu tìm hiểu về văn hóa truyền thống của Nhật Bản khá nhiều.

**KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Từ những nghiên cứu và phân tích trên về quá trình thực hiện chính sách ngoại giao văn hóa của Nhật Bản đối với Đông Nam Á giai đoạn 1977 - 2016 có thể rút ra một số kết luận như sau:

**1. Ngoại giao văn hóa có vị trí quan trọng trong chính sách ngoại giao của Nhật Bản đối với Đông Nam Á.**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đối với các nước tư bản, Nhật Bản triển khai ngoại giao văn hóa - hay chính xác hơn là quảng bá văn hóa về một nước Nhật “hòa bình” và “phát triển” nhưng không hướng tới các nước châu Á nói chung và các nước Đông Nam Á nói riêng vì mặc cảm tội lỗi chiến tranh. Tuy nhiên, chính nền kinh tế phát triển dẫn tới những ý kiến phản bác Nhật Bản, khiến nước này “miễn cưỡng” thực hiện ngoại giao văn hóa nhằm xoa dịu dư luận. Bên cạnh việc xoa dịu dư luận khu vực Đông Nam Á, ngoại giao văn hóa còn giúp Nhật Bản điều tiết dư luận thế giới cũng như dư luận trong nước về sự thiên lệch trong chính sách ngoại giao của mình. Đông Nam Á giúp Nhật Bản thể hiện vai trò cống hiến cho thế giới, nhất là cho các nước đang phát triển.

Ngoại giao văn hóa còn là một trong những công cụ hữu hiệu giúp Nhật Bản tạo dựng đồng minh, có lợi cho nền kinh tế cũng như cạnh tranh ảnh hưởng tại khu vực. Hiện tại, nước láng giềng Trung Quốc đang cạnh tranh gay gắt với Nhật Bản về mọi mặt. Trung Quốc có cả sức mạnh cứng lẫn sức mạnh mềm mà bất cứ đất nước nào cũng phải kiêng dè. Hơn nữa, quan hệ giữa Nhật Bản và nước này cũng gặp nhiều thăng trầm do vấn đề lịch sử và tranh chấp lãnh thổ. Bởi vậy, thiết lập mối quan hệ hữu nghị với các nước Đông Nam Á không chỉ về mặt kinh tế, an ninh chính trị mà cả văn hóa đem lại lợi thế cạnh tranh cho Nhật Bản.

Trong khoảng thời gian gần 30 năm, ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á ngày một tích cực hơn. Từ bị động nhằm cải thiện hình ảnh thiên lệch về kinh tế, Nhật Bản đã dần nhận thức được vai trò của ngoại giao văn hóa trong chính sách ngoại giao nói chung, đưa ngoại giao văn hóa thành một trong những trụ cột của chính sách ngoại giao, dùng nó để gia tăng ảnh hưởng của mình trên thế giới, trong khu vực và đặc biệt là tại Đông Nam Á. Thực hiện ngoại giao văn hóa tại Đông Nam Á không chỉ có ý nghĩa ổn định khu vực, bảo toàn nguồn tài nguyên cho kinh tế hay hợp tác với Mỹ, mà còn giúp Nhật Bản nâng cao tầm ảnh hưởng và có trọng lượng hơn trong những phát ngôn; giúp Nhật Bản xây dựng những hình ảnh muốn hướng tới thế giới như “quốc gia văn hóa”, “quốc gia hòa bình” hay “quốc gia cống hiến cho thế giới”.giúp Nhật Bản xây dựng những hình ảnh muốn hướng tới thế giới như “quốc gia văn hóa”, “quốc gia hòa bình” hay “quốc gia cống hiến cho thế giới”.

**2. Ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới có bề dày lịch sử và được điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh theo thời gian.**

Bắt đầu từ gần 30 năm về trước, ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á gắn liền với những cột mốc lịch sử trong quan hệ giữa đôi bên. Những mục tiêu và chủ trương về ngoại giao văn hóa đều được công bố trong các chuyến thăm các nước Đông Nam Á của các thủ tướng Nhật Bản.

Những nội dung cơ bản của ngoại giao văn hóa dù không thay đổi, thường xoay quanh những hoạt động chính là 1) hoạt động giới thiệu văn hóa, (2) giao lưu con người - giao lưu giáo dục, (3) giao lưu trí tuệ, (4) phổ cập tiếng Nhật, (5) hợp tác viện trợ văn hóa không hoàn trả và (6) hợp tác thông qua UNESCO, song mức độ ưu tiên trong các giai đoạn lại khác nhau. Trong giai đoạn 1977 - 2001, Nhật Bản tích cực tăng cường viện trợ và hợp tác văn hóa, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và nghiên cứu. Các chương trình ngoại giao văn hóa thời kỳ này thường kéo dài qua nhiều năm và ban đầu chỉ dành cho các nước Singapore - Indonesia - Malaysia - Philippines và Thái Lan. Chỉ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc Nhật Bản mới mở rộng hoạt động ra những nước Đông Nam Á còn lại và chú trọng tăng cường các hoạt động hỗ trợ cho các nước đang phát triển về bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc. Đến giai đoạn 2001 - 2016, cùng với sự bùng nổ của ngoại giao văn hóa trên toàn thế giới, các lãnh đạo Nhật Bản cũng thay đổi nhận thức về ngoại giao văn hóa, coi trọng ngoại giao văn hóa như một trong ba trụ cột của nền ngoại giao và chú trọng giới thiệu văn hóa, đặc biệt là văn hóa đại chúng của Nhật Bản ra thế giới, trong đó có Đông Nam Á.

**3. Tính chất “song phương” và “cộng sinh” là đặc điểm nổi bật của ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á**.

Mặc dù ngoại giao văn hóa Nhật Bản đối với Đông Nam Á ra đời trong sự khiên cưỡng, thiếu chủ động, một thời gian ngắn ban đầu chỉ có những hoạt động giới thiệu văn hóa từ một phía, song càng về sau triết lý “song phương” càng được đề cao.

“Song phương” được thể hiện ở những hoạt động giới thiệu văn hóa của cả đôi bên, ở hoạt động hợp tác - viện trợ nhằm thúc đẩy giáo dục, văn hóa của các nước Đông Nam Á và các hoạt động giao lưu thanh niên nhằm tăng cường hiểu biết giữa các nước với nhau.

Tính “cộng sinh” xuất hiện về sau này, nhưng thực chất có thể coi là một cách nói khác của song phương, tuy nhiên đề cao sự hợp tác và xây dựng những thứ mới hơn trong văn hóa, ví dụ như các nghệ sĩ của Nhật Bản và Đông Nam Á cùng tham gia chung một dự án kịch, nhảy hiện đại...

**4. Đông Nam Á tiếp nhận văn hóa Nhật Bản ngày một tích cực.**

Trước những hoạt động ngoại giao văn hóa mà chính phủ Nhật Bản đã triển khai, người dân Đông Nam Á cũng có những phản hồi vô cùng tích cực. Nếu như giai đoạn 1977 - 1999, họ hầu như không có ấn tượng về Nhật Bản ngoại trừ phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, thì sang giai đoạn 2000 - 2016 số lượng người hiểu biết và yêu mến văn hóa, đời sống Nhật Bản tăng lên đáng kể. Hứng thú đối với du lịch cũng như ẩm thực Nhật Bản có thể coi là đứng ngang hàng với kinh tế hay khoa học kỹ thuật. Mong muốn Nhật Bản có thêm những chương trình giao lưu văn hóa, giao lưu con người cao hơn bao giờ hết.Lý do người Đông Nam Á học tiếng Nhật vì quan tâm và yêu mến Nhật Bản thay vì nhằm phục vụ công việc cũng là điểm đáng quan tâm.

Thành công lớn nhất của Nhật Bản đó là xóa bỏ được tội lỗi chiến tranh trong lòng người dân Đông Nam Á, cũng như tạo dựng được lòng tin đối với họ. Nhật Bản đã trở thành đất nước đáng tin cậy nhất cũng như đối tác quan trọng nhất đối với Đông Nam Á. Tất nhiên những hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật là yếu tố chính dẫn đến lòng tin này. Song không thể phủ nhận vai trò của ngoại giao văn hóa như chất xúc tác làm cho quan hệ kinh tế được mềm dẻo, trơn tru hơn.

Nhìn lại quá trình thực hiện ngoại giao văn hóa của Nhật Bản tại Đông Nam Á, có thể thấy rằng khu vực này có vai trò vô cùng quan trọng đối với Nhật Bản.

**5. Nhật Bản có nhiều lợi thế khi thực hiện ngoại giao văn hóa tại Đông Nam Á**.

Với sự đa dạng và tính song phương trong các hoạt động ngoại giao với Đông Nam Á của mình, văn hóa Nhật Bản sẽ được đón nhận tại các nước này. Bên cạnh đó, tình hình an ninh thế giới vẫn còn nhiều căng thẳng, các nước lớn đang dần chuyển hướng sang chủ nghĩa bảo toàn lợi ích quốc gia sẽ là cơ hội để Nhật Bản bứt phá với phương châm cống hiến cho thế giới của mình.

Tuy nhiên, nguồn ngân sách dành cho văn hóa hạn hẹp cộng với sự bành trướng nhanh chóng của ngoại giao văn hóa Trung Quốc, Hàn Quốc chính là khó khăn đặt ra cho Nhật Bản để làm sao có thể có những hoạt động ngoại giao văn hóa phù hợp nhằm duy trì tầm ảnh hưởng quốc gia trong lĩnh vực này.

**6. Khuyến nghị đối với Việt Nam**

Là một quốc gia Đông Nam Á và thành viên của khối ASEAN, chính sách ngoại giao của Nhật Bản trở nên ngày một tích cực với khu vực này cũng có tác động ít nhiều tới Việt Nam.

Đây là công cụ tạo cơ sở, nền tảng để thúc đẩy quan hệ Việt - Nhật phát triển mạnh mẽ hơn trên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng... Hiện tại, hai nước đã thiết lập quan hệ “Đối tác chiến lược” vào năm 2014. Quan hệ này chắc chắn sẽ còn được nâng cao hơn trong thời gian tới khi lượng người học tiếng Nhật (64.863 người - JF, 2015) và lượng du học sinh Việt Nam tại Nhật Bản (18.7% - 2015) cao, Việt Nam cũng là điểm đến thuận lợi cho các doanh nghiệp Nhật Bản.

Những hợp tác trong lĩnh vực văn hóa có lợi trong việc phát triển những yếu tố văn hóa hiện đại của Việt Nam, bên cạnh đó bảo tồn những nét văn hóa truyền thống. Ngoài ra, giao lưu - hợp tác còn giúp Việt Nam tạo dựng mạng lưới trong giới, đặc biệt là giới nghiên cứu.

Những mâu thuẫn giữa Nhật Bản và Trung Quốc gia tăng sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam xây dựng những quan hệ có lợi cho mình với Nhật Bản cũng như những đồng minh của Nhật, trong đó có Mỹ. Các nước này vì lợi ích quốc gia sẽ sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam bằng cách này hay cách khác.

Từ kinh nghiệm ngoại giao văn hóa của Nhật Bản, có thể khuyến nghị một số chính sách để Việt Nam có thể áp dụng được cho mình:

*Thứ nhất*, Việt Nam có thể áp dụng một số điểm trong chiến lược Cool Japan để phổ biến ngoại giao văn hóa. Cool Japan tập trung quảng bá những giá trị - sức hút trong văn hóa đời sống Nhật Bản, đặc biệt là ngành công nghiệp văn hóa bao gồm anime, phim ảnh, âm nhạc... và “ăn - mặc - ở”, từ đó giúp ích cho nền kinh tế Nhật Bản. Chiến lược được chia làm 3 cấp: (1) tuyên truyền khiến cho các nước yêu mến Nhật Bản, tiếp đó (2) cung cấp các dịch vụ, sản phẩm liên quan tại nước ngoài, và cuối cùng (3) kết hợp cùng chính sách quảng bá du lịch nhằm tạo hứng thú cho người nước ngoài tới Nhật Bản.

Tuy không có nhiều nét độc đáo trong văn hóa như Nhật Bản, song ẩm thực và cảnh quan Việt Nam có sức hấp dẫn lớn. Nếu không có kinh phí để thành lập các trung tâm văn hóa, tổ chức lễ hội Việt Nam tại các nước có tiềm năng cũng là một cách. Đồng thời, có thể thuê các cây bút du lịch của các nước này đến Việt Nam và trải nghiệm, qua những người này quảng bá cho Việt Nam.

Cải thiện chất lượng dịch vụ tại Việt Nam cũng là một cách để tạo thiện cảm với những người đến làm việc cũng như du lịch tại Việt Nam. Họ chính là những đại sứ giúp quảng bá Việt Nam tới người thân trong nước họ.

Hơn nữa, cần đào tạo thế hệ những nhà thiết kế, sáng tác trẻ và có những chính sách để họ phát triển những thương hiệu họ tạo ra. Ví dụ như thành lập quỹ tổ chức những cuộc thi thiết kế các nhân vật dễ thương, tài trợ cho những người đoạt giải phát triển sản phẩm thành thương hiệu, sản xuất những vật dụng có mặt thương hiệu đó. Một cách khác, có thể đưa chính sách miễn thuế cho các công ty kinh doanh mặt hàng sáng tạo thiết kế và sản xuất tại Việt Nam nhằm khuyến khích các doanh nghiệp này.

*Thứ hai*, các chương trình giao lưu thanh niên cũng là một ví dụ có khả năng thành công cao. Hàng năm, chính phủ có thể tổ chức những chương trình giao lưu giữa các nhóm sinh viên hoặc học sinh trung học bằng cách tài trợ cho nhóm sinh viên - học sinh nước ngoài tới Việt Nam trải nghiệm văn hóa, sống cùng gia đình người Việt. Các hoạt động trải nghiệm văn hóa sẽ bao gồm đi tham quan một số địa danh nổi tiếng của Việt Nam, xem múa rối nước - tuồng - chèo, trải nghiệm cày ruộng, đi xe máy... Chính phủ cũng có thể hàng năm trao học bổng du học ngắn hạn cho một số sinh viên học tiếng Việt tại các nước để họ có cơ hội học thêm tiếng Việt và trải nghiệm Việt Nam.

*Thứ ba*, tích cực tổ chức các hội nghị - hội thảo quốc tế về nghiên cứu bảo tồn di sản, những vấn đề nóng về an ninh chính trị như tranh chấp trên biển Đông... để thu hút sự quan tâm của các học giả trên thế giới, giúp phát triển khả năng nghiên cứu cho các học giả Việt Nam cũng như mở rộng mạng lưới cho họ. Ngoài ra, nên có quỹ dành cho các hoạt động nghiên cứu như hỗ trợ các học giả Việt Nam tham dự hội thảo tại nước ngoài, hỗ trợ đi nghiên cứu tại nước ngoài...

1. Khảo sát tổng kết tỷ lệ xã luận về Nhật Bản tại các báo như sau: Straits Times 3.2%, Bangkok Post 0.8%, Jakarta Post 0.5%. [↑](#footnote-ref-1)